TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Thịnh

Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hà Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về vụ xin ly hôn; tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Công Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Chị Dương Thị L và anh Dương Công Đ được hai bên gia đình giới thiệu nên quen biết và cũng được tự do tìm hiểu trong một thời gian ngắn khoảng ba tháng thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 2013. Sau khi kết hôn chị Dương Thị L và anh Dương Công Đ sống với nhau bình thường. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không tin tưởng nhau chị Dương Thị L đi làm công nhân ở Bắc Ninh anh Dương Công Đ nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, khi chị L đi làm về thì anh Đ hay chửi mắng chị L vì thế vợ chồng bất đồng quan điểm sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 9 năm 2016 chị L đã bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Từ khi chị bố mẹ đẻ ở đến nay vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm và liên lạc gì với nhau. Nay chị Dương Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị được ly hôn với anh Dương Công Đ.

Về con chung: Có một người con chung tên là Dương Thanh H, sinh ngày 11/10/2014. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh Đ. Khi ly hôn, chị Dương Thị L yêu cầu anh Dương Công Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Dương Thị L sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và tại gia đình anh Dương Công Đ, bà Dương Thị Trường là mẹ đẻ của anh Dương Công Đ cư trú tại Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đều khẳng định anh Dương Công Đ vẫn cư trú tại Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bà Dương Thị T cam kết nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm giao lại tận tay cho anh Dương Công Đ; anh Dương Công Đ có biết việc Tòa án đã gửi, tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Dương Công Đ không đến, không có lý do.

Bị đơn anh Dương Công Đ vắng mặt tại phiên tòa, trong biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2019 anh Dương Công Đ khai: Anh Đ và chị L kết hôn năm 2012 trước khi kết hôn vợ chồng có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi về chung sống với nhau hai người sống hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, chị L đi làm công ty ở Bắc Ninh cũng không hay về nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh Đ không đồng ý. Anh Đ yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có một người con chung tên là Dương Thanh H, sinh ngày 11/10/2014**.** Trường hợp nếu phải ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/1 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Hoàng Công Tuyên không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị L đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Dương Công Đ vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị L. Về con chung: Giao một người con chung là Dương Thanh H, sinh ngày 11/10/2014 cho anh Dương Công Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị L cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/1 tháng. Chị Dương Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Dương Công Đ vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Công Đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị L và anh Dương Công Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 30/01/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị L và anh Dương Công Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị L và anh Dương Công Đ thấy rằng: Anh Dương Công Đ không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị L và anh Dương Công Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Dương Thị L yêu cầu ly hôn với anh Dương Công Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị L là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Dương Công Đ không tham gia nhưng đã có lời khai ngày 01/10/2019 và xét yêu cầu của chị Dương Thị L về việc yêu cầu anh Dương Công Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Dương Thanh H, sinh ngày, sinh ngày 11/10/2014 đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, chị Dương Thị L sẽ cấp dưỡng nuôi con 500.000đồng/tháng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị L trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Dương Công Đ vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Dương Công Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Dương Thanh H, sinh ngày 11/10/2014 cho anh Dương Công Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Dương Thị L cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đồng/tháng. Chị Dương Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000227 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Công Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc